

DANH SÁCH XẾ HẠNG

STT	Tên đăng nhập	Họ tên	Tên Lớp	Số câu đúng	Thời gian(S)
1	tca1-1915	Đỗ Hoàng Nam	3A2	29	975
2	tca1-1923	Phạm Chí Kiên	3A2	29	985
3	tca1-1891	Vũ Minh Khang	3A1	28	1192
4	tca1-1940	Nguyễn Nhật Anh	3A4	27	1133
5	tca1-1913	Vũ Thiện Minh	3A2	27	1138
6	tca1-2518	Nguyễn Hữu Minh Hòa	3A4	27	1139
7	tca1-1968	Nguyễn Đăng Kiên	3A3	27	1181
8	tca1-1916	Nguyễn Hải Minh	3A2	26	939
9	tca1-2396	Hoàng Trọng Khôi	3A6	26	991
10	tca1-2368	Nguyễn Minh Phong	3A6	26	1114
11	tca1-2399	Bùi Đức Nguyên Khang	3A6	25	1064
12	tca1-0252313	Nguyễn Thành Đạt	3A4	25	1184
13	tca1-1919	Nguyễn Việt Minh Quân	3A2	24	1130
14	tca1-1857	Nguyễn Phương Bảo Hân	3A5	24	1159
15	tca1-1966	Đinh Thế Vinh	3A3	23	1136
16	tca1-1980	Lại Đoàn Chi Mai	3A4	23	1157
17	tca1-2367	Đậu Quỳnh An	3A1	23	1164
18	tca1-2001	Phạm Gia Huy	3A2	23	1172
19	tca1-1880	Nguyễn Huy Nhật Minh	3A5	23	1193
20	tca1-1904	Nguyễn Ngọc Minh Anh	3A6	22	1077
21	tca1-1918	Nguyễn Minh Tuấn	3A2	22	1155
22	tca1-1997	Đoàn Thanh Thanh	3A4	22	1160
23	tca1-1969	Vũ Đức Minh Hiếu	3A3	22	1170
24	tca1-1972	Nguyễn Tùng Lâm	3A3	22	1191
25	tca1-1970	Phạm Tuấn Minh	3A3	21	1177
26	tca1-1901	Đào Mạc Hồng Nhật	3A4	20	1148
27	tca1-2427	Nguyễn Phạm Linh Nhi	3A3	19	1180
28	tca1-1978	Lưu Gia Huy	3A3	19	1192
29	tca1-1870	Nguyễn Đoàn Quang Phúc	3A5	18	1111
30	tca1-1964	Ngô Minh Khang	3A3	18	1185
31	tca1-1848	Bùi đăng khôi	3A2	17	1091
32	lehuyenanh38	Nguyễn Lê Huyền Anh	3A2	14	1118
33	tca1-2415	Bui Sơn Vinh	3A1	14	1189
34	tca1-0252319	Nguyễn Khánh Chi	3A1	11	1175